

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 280, Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466 và Điều 468
Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết
326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội mức
thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc các
đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự
thụ lý số 31/2024/TLST- DS ngày 06 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành
về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các
đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có
đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị T**, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: **Tổ dân phố H, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.**

- Bị đơn:

1. Bà **Phạm Thị H**, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: **Tổ dân phố Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.**

2. Ông **Trịnh Thanh H1**, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: **Tổ dân phố Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.**

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ:

- Đối với khoản vay ngày 26/6/2019: Vợ chồng bà **Phạm Thị H** và ông
Trịnh Thanh H1 nợ bà **Đặng Thị T** số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng, nợ lãi từ
ngày 26/6/2019 đến ngày 14/6/2024 theo lãi suất 0,8%/tháng là 62.018.700
đồng, tổng gốc và lãi là 192.018.700 đồng.

- Đối với khoản vay ngày 30/12/2019: Vợ chồng bà **Phạm Thị H** và ông **Trịnh Thanh H1** nợ bà **Đặng Thị T** số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng, nợ lãi từ ngày 01/5/2020 đến 14/6/2024 theo lãi suất 0,8%/tháng là 7.909.300 đồng, tổng gốc và lãi là 27.909.300 đồng.

- Vợ chồng bà **Phạm Thị H** và ông **Trịnh Thanh H1** nợ bà **Đặng Thị T** tiền mua xăng dầu tổng là 12.120.000 đồng.

Bà **Đặng Thị T** yêu cầu vợ chồng bà **Phạm Thị H** và ông **Trịnh Thanh H1** phải trả số tiền nợ gốc và lãi của 02 khoản vay và tiền nợ mua xăng dầu tổng là 232.048.000 đồng (*Hai trăm ba mươi hai triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/6/2024 của 02 khoản vay theo lãi suất 0,8%/tháng. Bà **T** không yêu cầu trả lãi của số tiền nợ mua xăng dầu. Vợ chồng bà **H** và ông **H1** chấp nhận trả nợ.

2.2. Về phương án trả nợ:

Các đương sự thỏa thuận: Vợ chồng bà **Phạm Thị H** và ông **Trịnh Thanh H1** có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **Đặng Thị T** tổng số tiền nợ gốc và lãi của 02 khoản vay và tiền nợ mua xăng dầu tổng là 232.048.000 đồng (*Hai trăm ba mươi hai triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/6/2024 của 02 khoản vay theo lãi suất 0,8%/tháng.

Phương án trả nợ như sau: Ngày 18/7/2024, vợ chồng bà **H** và ông **H1** trả 50.000.000 đồng. Từ tháng 8/2024, mỗi tháng vợ chồng bà **H** và ông **H1** trả 5.000.000 đồng vào ngày 18 hàng tháng cho đến khi trả hết nợ. Số tiền trả hàng tháng được ưu tiên trừ vào nợ gốc trước.

2.3. Về xử lý vi phạm:

Các đương sự thỏa thuận: Nếu vợ chồng bà **Phạm Thị H** và ông **Trịnh Thanh H1** vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào về thời hạn trả nợ như cam kết nêu trên, thì bà **Đặng Thị T** có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện yên **Đ** thi hành toàn bộ số nợ vợ chồng bà **H** và ông **H1** nợ bà **T**.

2.4. Về án phí:

Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu là 5.801.200 đồng. Các đương sự thỏa thuận bà **Đặng Thị T** chịu 50% án phí, vợ chồng bà **Phạm Thị H** và ông **Trịnh Thanh H1** chịu 50% án phí.

Bà **T** là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn phần án phí phải chịu là 2.900.600 đồng (*Hai triệu chín trăm nghìn sáu trăm đồng*).

Vợ chồng bà **H** và ông **H1** phải liên đới chịu 2.900.600 đồng (*Hai triệu chín trăm nghìn sáu trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi là 11.072.000 đồng, do nguyên đơn rút phần yêu cầu này.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Dung